

QUY TẮC XUẤT XỨ ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN TRONG VKFTA



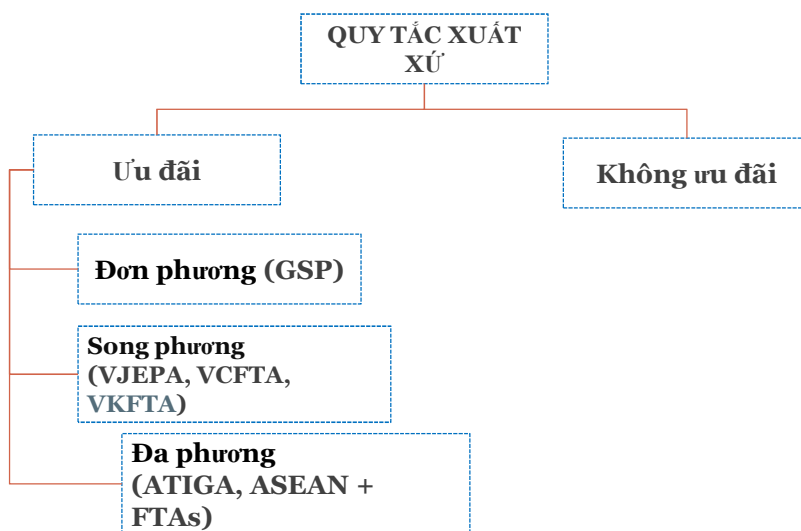
**CỤC XUẤT NHẬP KHẨU
BỘ CÔNG THƯƠNG
PHÒNG QUẢN LÝ XNK KHU VỰC TP HỒ CHÍ MINH
TP. HỒ CHÍ MINH, 04/11/2015**

AKFTA



- * Ký chính thức tại Kuala Lumpur, Malaysia ngày 24/8/2006
- * QĐ số 02/2007/QĐ-BTM ngày 08/01/2007
- * Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014
- * Thông tư 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015

QUY TẮC XUẤT XỨ



AFT-MOIT

MỤC ĐÍCH VÀ CHỨC NĂNG CỦA QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI

Xác định hàng hoá nhập khẩu có đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan hay không;	Đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa “thuận lợi hoá thương mại” và “chống gian lận thương mại”;	Đo mức độ thụ hưởng/ tận dụng ưu đãi tại các Bên là thành viên FTA;	Thoả mãn quy tắc xuất xứ ưu đãi → được cấp C/O ưu đãi → được hưởng thuế quan ưu đãi → kích thích sản xuất và xuất khẩu
---	--	---	--

AFT-MOIT

CÁC LOẠI QUY TẮC XUẤT XỨ

ATIGA, AANZFTA,
AJCEP, AKFTA, VJEPA,

VCFTA, VKFTA: Quy tắc
xuất xứ chung (RVC 40 hoặc
CTH) và Quy tắc cụ thể mặt
hàng (PSRs)

ACFTA:

Quy tắc xuất xứ chung
(RVC 40) và Quy tắc cụ
thể mặt hàng (PSRs);

AIFTA:

Quy tắc xuất xứ chung
(RVC 35 + CTSH)

AFT-MOIT

XUẤT KHẨU THEO KHU VỰC KINH TẾ

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CẢ NƯỚC

2013 :132 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 44 tỷ USD; doanh nghiệp
FDI 88 tỷ USD)

2014: 150 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 49 tỷ USD; doanh nghiệp
FDI 101 tỷ USD)

Dự kiến 2015 :165 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 55 tỷ USD; doanh nghiệp
FDI 110 tỷ USD)

KIM NGẠCH NHẬP KHẨU CẢ NƯỚC

2013 :132 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 57,6 tỷ USD; doanh
nghiệp FDI 74,4 tỷ USD)

2014: 148 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 63,8 tỷ USD; doanh
nghiệp FDI 84,2 tỷ USD)

Dự kiến 2015 :171 tỷ USD

(trong đó doanh nghiệp 100% vốn
trong nước 73,37 tỷ USD; doanh
nghiệp FDI 96,8 tỷ USD)

XUẤT KHẨU THEO THỊ TRƯỜNG

Hàn Quốc	2013	2014
Tổng kim ngạch xuất khẩu	6,618,088,360	7,144,018,830
Kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O mẫu AK	5,572,715,398	6,074,261,759
Tỷ lệ tận dụng ưu đãi FTA	84.2%	85%

ASEAN - Hàn Quốc là FTA có **tỷ lệ tận dụng ưu đãi cao nhất** trong số các FTA mà Việt Nam đã và đang thực hiện

(đơn vị tính: USD)

VKFTA

2 năm nghiên cứu và 28 tháng đàm phán

9 phiên đàm phán chính thức và nhiều phiên giữa kỳ

VKFTA chính thức được ký kết ngày 5/5/2015 tại Hà Nội

VKFTA là FTA song phương thứ 3 của Việt Nam (sau VJEPA và VCFTA) và là FTA thứ 9 của Việt Nam đã được ký kết chính thức

Việt Nam là đối tác FTA thứ 15 của Hàn Quốc

VKFTA

- Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSRs) bao gồm 97 Chương của biểu thuế
- Cho phép áp dụng De Minimis từ Chương 1 đến hết Chương 97
- Linh hoạt De Minimis (hoặc trị giá hoặc trọng lượng) đối với các Chương Dệt may (50 – 63)
- Quy tắc lỏng đối với hạt điều
- Quy tắc linh hoạt đối với thủy sản và dệt may
- Tính RVC trực tiếp/ gián tiếp: Quyền lựa chọn thuộc về cơ quan chính phủ

Xuất xứ thuần túy

AKFTA: WO &
WO-AK

VKFTA: WO

- 1104.19: ngũ cốc chế biến
- AKFTA: CC/RVC 40 với điều kiện nguyên liệu từ nhóm 10.03 và 10.06 phải là WO-AK
- VKFTA: CC/RVC 40 với điều kiện nguyên liệu từ nhóm 10.03 và 10.06 phải là WO

Cách tính RVC

- HÀM LƯỢNG KHU VỰC:

AKFTA: gián tiếp

VKFTA: trực tiếp hoặc gián tiếp
(quyền lựa chọn thuộc về cơ
quan Chính phủ)

De Minimis

De Minimis: Tỷ lệ vi phạm cho phép (Article 3.9)

Áp dụng từ
Chương 1 đến hết
Chương 97

Linh hoạt 10%
hoặc trị giá
hoặc trọng
lượng đối với
các Chương
Đệt may

Những công đoạn gia công chế biến đơn giản

Không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa

VKFTA không áp dụng đối với hạt điều 0801.32

- AKFTA: WO-AK
- VKFTA: CTSH

Thủy sản

Quy tắc xuất xứ

AKFTA
1605.10 và 1605.20: RVC 35%
Các mã HS còn lại của Nhóm 1605: CC hoặc RVC40% với điều kiện nguyên liệu từ Chương 3 phải là WO-AK

VKFTA
Toàn bộ Nhóm 1605: CC hoặc RVC 40%

Dệt may: Chương 63

- Quy tắc xuất xứ

AKFTA
CC với điều kiện nguyên
liệu phải có xuất xứ;
hoặc RVC 40%

VKFTA
CC hoặc RVC 40%

VKFTA

- Đối xử đặc biệt với hàng hóa sản xuất trong khu Khai Thành;
- Nâng thời hạn xác minh C/O lên 10 tháng (AKFTA là 6 tháng);
- Chỉ cần cập nhật mẫu con dấu; ko cần cập nhật mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký C/O mẫu VK
- Tự chứng nhận xuất xứ: xem xét sau 3 năm kể từ khi VKFTA có hiệu lực

So sánh một số Quy tắc xuất xứ trong AKFTA & VKFTA

Một số vấn đề trong QTXH	AK	VK
Form C/O	ASEAN và KR đều cấp 1 C/O mẫu AK	- VN cấp C/O mẫu VK - KR cấp C/O mẫu KV
Cấp C/O	VN cấp C/O giấy, KR cấp C/O với con dấu và chữ ký điện tử. Việc thực hiện song song hai hệ thống đã được thực hiện từ khi AKFTA có hiệu lực, sắp tới sẽ sửa đổi ROO text để nêu rõ lời văn như trong cam kết VKFTA	C/O có thể được cấp theo cách truyền thống tại các Tổ chức cấp C/O của cơ quan Chính phủ hoặc được ký, đóng dấu và in điện tử
Thời gian lưu trữ hồ sơ	03 năm kể từ ngày cấp C/O	5 năm kể từ ngày cấp C/O
Tổ chức cấp C/O	Cập nhật danh sách tên, địa chỉ, mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký C/O và mẫu con dấu chính thức của Tổ chức cấp C/O	Cập nhật danh sách tên và mẫu con dấu của Tổ chức cấp C/O
Mức nộp C/O	hàng hóa không quá 200 USD	hàng hóa không quá 600 USD
Tiêu chí xuất xứ:	- WO - Non-WO: gồm tiêu chí chung (CTH or RVC 40%) và PSR (chỉ gần 500 dòng thuế)	- WO - Non-WO: PSR (CH01-97) hơn 5000 dòng thuế
Hạt điều đã bóc vỏ(0801.32)	WO-AK	- có PE CTSH (công đoạn đơn giản "Bóc vỏ đơn giản, trích hạt, hoặc làm tróc hạt không áp dụng cho 0801.32)
Cà phê đã rang (0901.21, 0901.22)	RVC 45%	CTSH
Dệt may (50-63)	-	PSR tương đương AK
Demimis đối với hàng dệt may	trọng lượng của nguyên liệu k có xuất xứ =< 10% tổng trọng lượng hàng hóa	- trọng lượng của nguyên liệu k có xuất xứ =< 10% tổng trọng lượng hàng hóa hoặc - trị giá của nguyên liệu k có xuất xứ =< 10% trị giá FOB của hàng hóa

Tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN

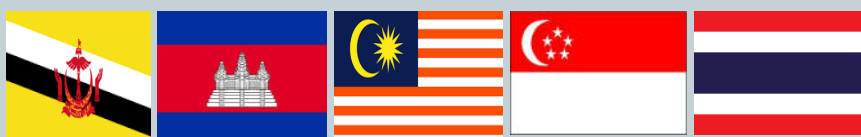
THÔNG TƯ 28/2015/TT-BCT
NGÀY 20/8/2015

Dự án thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ ASEAN

- Cho phép nhà sản xuất/ nhà xuất khẩu được ủy quyền khai báo xuất xứ hàng hóa xuất khẩu trên hóa đơn, thay cho Giấy Chứng nhận xuất xứ (C/O) mẫu D thông thường;
- Trách nhiệm được chuyển từ Chính phủ (các cơ quan/ tổ chức được Chính phủ ủy quyền cấp C/O mẫu D) sang doanh nghiệp (nhà sản xuất/ xuất khẩu được ủy quyền tự chứng nhận xuất xứ);
- Giúp thúc đẩy thương mại nội khối ASEAN, thúc đẩy chuỗi sản xuất/ cung ứng trong khu vực; giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình hoàn thiện bộ chứng từ xuất nhập khẩu

Dự án thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ ASEAN (01)

- Ngày 01/11/2010: Thời điểm có hiệu lực và bắt đầu thực hiện Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa Chính phủ một số nước thành viên ASEAN tham gia Dự án Thí điểm số 1 (1st SCPP);
- Các thành viên của Dự án Thí điểm số 1: Bru-nây, Cam-pu-chia, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po và Thái Lan. Thái Lan gia nhập ngày 28/10/2011. Cam-pu-chia gia nhập ngày
- My-an-ma đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục gia nhập Dự án Thí điểm số 1



Dự án thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ ASEAN (02)

- Ngày 29/8/2012: MOU được ký bởi các nước thành viên tham gia Dự án Thí điểm số 2 (2nd SCPP);
- Ngày 10/5/2013: MOU có hiệu lực;
- Ngày 01/01/2014: bắt đầu thực hiện MOU;
- Các thành viên của Dự án Thí điểm số 2: Lào, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan (01/5/2015) và Việt Nam (19/12/2014)



Thông tư số 28/2015/TT-BCT

Ngày ban hành: 20/8/2015

Cơ sở pháp lý:

- Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012;
- Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006;

Nhằm thực hiện:

- Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) ký ngày 26/02/2009;
- MOU ký ngày 29/8/2012;
- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 10/9/2014

Bao gồm:

- 7 Chương
- 5 Phụ lục

Thông tư số 28/2015/TT-BCT

Ngày ban hành: 20/8/2015

Phụ lục I: Mẫu Đơn đề nghị tham gia thí điểm TCNXX

Phụ lục II: Báo cáo năng lực sản xuất, cơ sở sản xuất đối với từng mặt hàng đăng ký TCNXX

Phụ lục III: Kiểm tra, xác minh xuất xứ

Phụ lục IV: Mẫu báo cáo tình hình phát hành hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ

Phụ lục V: Mẫu đăng ký tên và mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký trên hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ

Chương I – Quy định chung

Phạm vi điều chỉnh

1/ Quy định việc thực hiện thí điểm TCNXX căn cứ MOU ngày 29/8/2012;
2/ Tuân thủ TT số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 và TT số 42/2014/TT-BCT ngày 18/11/2014 sửa đổi bổ sung TT số 21 vv thực hiện Quy tắc xuất xứ ATIGA

Đối tượng áp dụng

1/ Thương nhân XNK theo ATIGA trong phạm vi MOU và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan;
2/ Thương nhân được Bộ Công Thương lựa chọn tham gia thí điểm TCNXX vẫn có quyền đề nghị cấp C/O mẫu D thông thường

Giải thích từ ngữ

- 1/ TCNXX: thương nhân tự khai báo XX hàng hóa XK trên hóa đơn thương mại thay cho C/O mẫu D;
- 2/ Nhà XK: là thương nhân được lựa chọn tham gia thí điểm TCNXX của các nước thành viên MOU;
- 3/ Hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ: thể hiện nội dung khai báo XXHH theo Điều 7 TT này, được phát hành bởi thương nhân ở Khoản 2;
- 4/ Cơ quan có thẩm quyền của nước thành viên XK: là cơ quan Chính phủ được ủy quyền để (a) cấp C/O mẫu D; (b) cấp văn bản chấp thuận TCNXX;
- 5/ Nước thành viên MOU: Lào, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam

Chương II – Cấp văn bản chấp thuận

Tiêu chí lựa chọn tham gia thí điểm	Cấp văn bản chấp thuận	Hiệu lực và mã số
1/ Là nhà SX đồng thời là nhà XK hàng hóa do chính thương nhân SX; 2/ Không vi phạm quy định về XX trong 02 năm gần nhất; 3/ Kim ngạch XK đi ASEAN sử dụng C/O mẫu D đạt tối thiểu 10 triệu US\$; 4/ Có cán bộ được đào tạo, được cấp Chứng chỉ do đơn vị được Bộ Công Thương chỉ định cấp	1/ Cục XNK - Bộ Công Thương cấp Văn bản chấp thuận cho thương nhân tham gia thí điểm TCNXX ASEAN; 2/ Thương nhân đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tại Điều 4 gửi hồ sơ đăng ký về Cục XNK hoặc đăng ký qua địa chỉ www.Ecosys.gov.vn; 3/ Hồ sơ và thủ tục: thực hiện theo các Phụ lục của TT này; 4/ Hồ sơ đầy đủ: trong vòng 07 ngày làm việc: tiến hành kiểm tra thực tế Hồ sơ chưa đầy đủ: trong vòng 05 ngày làm việc: thông báo để DN gửi bổ sung; Kết quả kiểm tra phù hợp: trong vòng 05 ngày làm việc: cấp Văn bản chấp thuận; 5, 6, 7/ Trường hợp SX-XK mặt hàng mới hoặc thay đổi mặt hàng hoặc Văn bản hết hiệu lực: thực hiện theo quy định tại khoản 5,6,7 của Điều 5	1/ Hiệu lực 01 năm kể từ ngày cấp, trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định tại Điều 10 TT này; 2/ Mỗi Văn bản chấp thuận có mã số riêng và phải được ghi trên hóa đơn khai báo xuất xứ trong thời gian hiệu lực của Văn bản chấp thuận

Chương III – Hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ (Khoản 1 Điều 7)

-
- (Signature over Printed Name of the Authorized Signatory)
- Trong đó:**
- “The exporter of the product(s) covered by this document (Certified Exporter Authorization Code.....) declares that, except where otherwise clearly indicated, the product(s) (HS Code/s:.....) satisfy the Rules of Origin to be considered as ASEAN Originating Products under ATIGA (ASEAN country of origin:) with origin criteria:”

.....

(Signature over Printed Name of the Authorized Signatory)

Trong đó:

- “Certified Exporter Authorization Code” là mã số tự chứng nhận.
- “HS Code/s” là mã HS 6 số của hàng hóa xuất khẩu.
- “ASEAN country of origin” là tên nước xuất xứ.
- “origin criteria” là tiêu chí xuất xứ.
- “Signature over Printed Name of the Authorized Signatory” là tên viết hoa và chữ ký của người được thương nhân ủy quyền đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Chương III – Hóa đơn thương mại có nội dung khai báo xuất xứ (Khoản 2, 3, 4, 5 của Điều 7)

Hóa đơn thương mại phải đủ thông tin để xác định xuất xứ của hàng hóa

Ký bằng tay, ghi bằng tiếng Anh; tên người được thương nhân ủy quyền ký (đã đăng ký với Bộ Công Thương) phải viết hoa

Ngày ghi trên hóa đơn được coi là ngày phát hành hóa đơn

Trường hợp hóa đơn ko đủ chỗ, có thể đính kèm tờ bổ sung

Chương IV – Quy định đối với hàng hóa nhập khẩu được TCNXX

Điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan:

- Nhà NK nộp hóa đơn thương mại có nội dung khai báo XXHH được phát hành bởi thương nhân được lựa chọn bởi các nước thành viên MOU – các thương nhân này phải nằm trong danh sách được Bộ Công Thương thông báo cho Cơ quan Hải quan VN;
- Hàng hóa phải nằm trong danh sách các mặt hàng đã được nước thành viên MOU thông báo cho Bộ Công Thương;

Thủ tục NK hàng hóa: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

Chương V - Kiểm tra, xác minh XXHH và xử lý vi phạm

- Việc kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Phụ lục III của TT này;
- Văn bản chấp thuận sẽ bị thu hồi trong những trường hợp sau:
- Giả mạo chứng từ, kê khai gia lận khi đề nghị cấp Văn bản chấp thuận
- Giả mạo hồ sơ chứng từ đề TCNXX
- Không thực hiện trách nhiệm của thương nhân quy định tại Điều 11 của Thông Tư
- Không xem xét cấp lại trong vòng 01 năm kể từ ngày bị thu hồi Văn bản chấp thuận;
- Thông tin về thương nhân bị thu hồi Văn bản chấp thuận sẽ được công bố trên website của Bộ Công Thương;
- Áp dụng đồng thời quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xuất xứ, theo pháp luật hiện hành

Chương VI: Trách nhiệm của Thương nhân và cơ quan tổ chức hữu quan

Trách nhiệm của Thương nhân:

- Báo cáo Cục XNK ngay khi có bất kỳ sự thay đổi nào;
- Tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị được Bộ ủy quyền tới kiểm tra;
- Lưu trữ hồ sơ ít nhất 03 năm;
- Chỉ được tự khai báo XX đối với hàng hóa do chính thương nhân SX và có đầy đủ các chứng từ cần thiết chứng minh hàng hóa đáp ứng quy tắc XX tại thời điểm phát hành hóa đơn TCNXX;
- Đảm bảo người đại diện hợp pháp hoặc người được ủy quyền ký phải được đào tạo và được cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 4 của TT;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những khai báo liên quan đến TCNXX;
- Gửi báo cáo định kỳ theo Mẫu quy định tại Phụ lục IV của TT;
- Báo cáo kịp thời trong trường hợp hóa đơn TCNXX bị nước nhập khẩu từ chối

Chương VI: Trách nhiệm của Thương nhân và cơ quan tổ chức hữu quan

- Trách nhiệm của Cơ quan, tổ chức hữu quan:

Cục XNK - Bộ Công Thương

- 1/ Tổ chức việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận;
- 2/ Xác minh XXHH theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước NK;
- 3/ Kiểm tra, tổ chức việc thực hiện của thương nhân; xác minh tính chính xác của hóa đơn;
- 4/ Cung cấp cho BTK ASEAN các thông tin về thương nhân được lựa chọn;
- 5/ Công bố danh sách thương nhân được lựa chọn của các nước thành viên MOU trên website Bộ Công Thương;

Đơn vị đào tạo được Bộ Công Thương chỉ định

- 1/ Tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ cho học viên;
- 2/ Tuân thủ các quy định về đào tạo;
- 3/ Báo cáo Cục XNK các thông tin liên quan ngay sau khi Chứng chỉ được cấp

Chương VII - Điều khoản thi hành

- Chú ý

**Thông tư có hiệu lực từ
ngày 05 tháng 10 năm
2015**



HỎI ĐÁP

- CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG
- Phòng Quản lý XNK khu vực TP.Hồ Chí Minh
- 12 Võ Văn Kiệt, Quận 1 / Tel.: (+84) 3 9151431/32/33/34/35